

**MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
*(Dành cho học phần lý thuyết + thảo luận / lý thuyết + thực hành)*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**  
Bộ môn: Quản trị tác nghiệp TMQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**Học phần: Hội nhập kinh tế quốc tế**  
**Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

**1. Tên học phần (tiếng Việt): Hội nhập kinh tế quốc tế**

Tên học phần (tiếng Anh): International economic integration

**2. Mã học phần: ITOM2011**

**3. Số tín chỉ: 3**

**4. Cấu trúc:**

- |                     |                        |
|---------------------|------------------------|
| - Giờ lý thuyết: 36 | - Giờ thảo luận: 9     |
| - Giờ thực hành:    | - Giờ báo cáo thực tế: |
| - Giờ tự học: 90    |                        |

**5. Điều kiện của học phần:**

- |                        |        |
|------------------------|--------|
| - Học phần tiên quyết: | Mã HP: |
| - Học phần học trước:  | Mã HP: |
| - Học phần song hành:  | Mã HP: |
| - Điều kiện khác:      |        |

**6. Mục tiêu của học phần**

Người học được cung cấp những kiến thức nền tảng về hội nhập kinh tế quốc tế như bản chất, nội dung, hình thức, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, người học có nhận thức sâu hơn, thực tế hơn về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua thực tế của hoạt động hội nhập ở mức độ toàn cầu trong khuôn khổ WTO và ở mức độ khu vực cũng như hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, từ đó người học có thể đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam nói chung, các ngành và địa phương nói riêng.

Bên cạnh đó, người học được cung cấp kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, kỹ năng thuyết trình, giải quyết những tình huống liên quan hội nhập kinh tế quốc tế.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Người học hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản về bản chất, mục tiêu, nội dung của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức và các giai đoạn của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, các nhân tố thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- CLO2: người học hiểu, phân tích và so sánh được những lý thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế, những tác động của mỗi lý thuyết đó, những mục tiêu, nguyên tắc và nội dung hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế trong WTO, EU, ASEAN
- CLO3: Người học phân tích và đánh giá được những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập WTO, ASEAN, cũng như ký kết các FTA với các đối tác trên thế giới.
- CLO4: Người học có kỹ năng lắng nghe, phản biện, lập luận, phân tích, làm việc nhóm
- CLO5: Người học có thái độ tích cực, chủ động, trách nhiệm với việc tham gia các giờ học và các công việc được giao,

**8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

The module introduces the general knowledge of international economic integration, stages and some theories of international economic integration. Particularly, the module introduces economic integration in WTO, ASEAN, EU, APEC..., and the process of economic integration of Vietnam.

## **9. Cán bộ giảng dạy học phần**

9.1. CBGD cơ hữu: PGS, TS Doãn Kế Bôn, TS Lê Thị Việt Nga, Ths Vũ Anh Tuấn

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGV thỉnh giảng:

9.4. Chuyên gia thực tế:

## **10. Đánh giá học phần**

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>1. Điểm chuyên cần (Đ<sub>1</sub>)</b>	<b>0,1</b>	Chuyên cần	0,5	R1	CLO5	GV đánh giá mức độ đi học đầy đủ, chuyên cần của SV
		Ý thức học tập trên lớp	0,5		CLO4 CLO5	GV đánh giá mức độ phát biều, trao đổi ý kiến của SV liên quan đến bài học và hiệu quả của các đóng góp; mức độ vi phạm kỷ luật của SV trên lớp (vào lớp muộn, gây mất trật tự, không chú ý nghe giảng, không tuân thủ điều hành của GV)
<b>2. Điểm thực hành (Đ<sub>2</sub>)</b>	<b>0,3</b>					
<i>2.1. Điểm kiểm tra (Đ<sub>kt</sub>)</i>	<i>0,15</i>	<i>Bài kiểm tra số 1</i>	<i>0,5</i>		CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	<i>GV chấm bài kiểm tra</i>
		<i>Bài kiểm tra số 2</i>	<i>0,5</i>		CLO2	

					CLO3 CLO4 CLO5	
2.2. Điểm đổi mới phương pháp học tập ( $D_{dm}$ )	<b>0,15</b>	Nội dung báo cáo và thuyết trình	0,7	R2	CLO1 CLO2 CLO3	GV đánh giá mức độ đạt yêu cầu về hình thức và nội dung bài thảo luận nhóm; về giá phần trình bày slide, khả năng thuyết trình và bảo vệ bài báo cáo
		Làm việc nhóm	0,3	R3	CLO4 CLO5	Các nhóm thảo luận tổ chức họp đánh giá mức độ tham gia nhóm, mức độ đóng góp cho nhóm, việc tổ chức và phối hợp các thành viên của nhóm
<b>3. Điểm thi hết HP (<math>D_3</math>)</b>	<b>0,6</b>	Bài thi cuối kỳ: Thi tự luận theo Ngân hàng đề thi			CLO1 CLO2 CLO3	Bộ môn phân công GV chấm bài thi theo quy định

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

\* *Ghi chú:*

$$(1) \text{Điểm học phần} \text{ được tính theo công thức sau: } D_{hp} = \sum_{i=1}^3 k_i D_i$$

Trong đó:  $D_{hp}$ : Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

$D_i$  : Điểm thành phần i ( $i = 1,2,3$ )

$k_i$  : Trọng số điểm thành phần i ( $i = 1,2,3$ )

$$(2) \text{Điểm thực hành} \text{ được tính theo công thức sau: } D_{th} = \frac{D_{kt} + D_{dm}}{2}$$

Trong đó:  $D_{th}$ : Điểm thực hành, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

$D_{kt}$ : Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

$$D_{kt} = \frac{\sum_{i=1}^n D_{kt_i}}{n}$$

( $D_{kt_i}$ : Điểm kiểm tra i; n: Số bài kiểm tra)

$D_{dm}$ : Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân.

*Điểm đổi mới có thể có nhiều thành phần sẽ được tính như sau:*

$$D_{dm} = \sum k_i D_{dm_i}$$

( $D_{dm_i}$ : Điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i

*k<sub>i</sub>: Trọng số điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)*

**\*/ Rubric đánh giá điểm thành phần**

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
R1	Chuyên cần	Vắng mặt trên lớp trên 40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 30-40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 20-30%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ 0-10%	0,5
	Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật	Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật	0,5
R2	Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và rất dễ hiểu	0,5
	Thuyết trình	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng; Phản trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày. Trả lời câu hỏi yếu	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng; Phản trình bày đầy đủ, giọng nói rõ ràng, nhẹ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Slide trình bày với bộ cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở đầu, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bộ cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở đầu, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bộ cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở đầu, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bộ cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở đầu, thân bài, kết luận).

				tương tác với người nghe; người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày. <i>Trả lời câu hỏi trung bình</i>	trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	người nghe; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định. <i>Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chật chẽ</i>	
R3	<i>Tổ chức nhóm và phối hợp thành viên của nhóm</i>	Không có sự làm việc và phối hợp với nhóm	<i>Nhóm trưởng</i> không phân công công cụ thê trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm. <i>Thành viên</i> hiềm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Nhóm trưởng có phân công nhiệm vụ riêng cho mỗi thành viên nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. <i>Thành viên</i> hợp tác, phối hợp với nhau; không tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm. <i>Thành viên</i> hợp tác, phối hợp với nhau; thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, phù hợp; phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm; tương tác, phối hợp tốt. <i>Thành viên</i> hợp tác, phối hợp với nhau. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	0,3
	<i>Tham gia</i> (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	0,2
	<i>Mức độ đóng góp cho nhóm</i>	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận	Thường xuyên tham gia thảo luận	Luôn tham gia thảo luận nhóm và	0,5

		luận nhóm.	và đóng góp ý kiến	nhóm và đóng góp ý kiến.	nhóm và đóng góp ý kiến hay.	đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	
--	--	---------------	-----------------------	--------------------------------	---------------------------------------	--	--

### 11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần

T T	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Tài liệu chính</b>				
1	Bộ môn QTTN TMQT	2019	Bài giảng chung của bộ môn “Hội nhập kinh tế quốc tế”	
<b>Sách giáo trình, sách tham khảo</b>				
2	PGS, TS Ngô Thị Tuyết Mai	2016	Giáo trình hội nhập kinh tế quốc tế	NXB ĐH KTQD
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2013	Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011- 2020	NXB KHXH
<b>Các website, phần mềm,...</b>				
4.	Website của WTO <a href="https://www.wto.org/">https://www.wto.org/</a>			
5.	Website của ASEAN <a href="https://asean.org/">https://asean.org/</a>			
6	Website của EU <a href="https://europa.eu/">https://europa.eu/</a>			
7	Website của Trung tâm WTO, VCCI <a href="http://www.trungtamwto.vn/">http://www.trungtamwto.vn/</a>			

### 12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần

St t	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bổ thời gian			CĐR của chươn g	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV	Tài liệu tham khảo
		Gi	T/L TH	K				
	BÀI MỞ ĐẦU	1						[1] trang 5-8
1.	Mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của học phần					Thuyết giảng		
2.	Phương pháp nghiên cứu							
3.	Nội dung của học phần							
4.	Giới thiệu tài liệu tham khảo, hướng đe tài thảo luận							
	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	5	1		CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, diễn giải, đặt câu hỏi, liên	Nghe giảng, trả lời, lập luận, phản	[1] trang 9-26 [2] trang
1.1.	Khái niệm, bản chất và mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế							

1.1.1.	Khái niệm và bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế					hệ thực tế, giải quyết vấn đề, giao nhiệm vụ tự nghiên cứu,	tích, tự nghiên cứu	5-28
1.1.2.	Mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế							
1.2.	<b>Nội dung của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế</b>							
1.2.1.	Liên kết, hợp tác dựa trên những chuẩn mực quốc tế							
1.2.2.	Gia nhập vào các liên kết, tổ chức quốc tế							
1.2.3.	Xây dựng và thực hiện các luật lệ, chuẩn mực, quy tắc quốc tế							
1.3.	<b>Các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế</b>							
1.3.1.	Thỏa thuận thương mại ưu đãi							
1.3.2.	Khu vực thương mại tự do							
1.3.3.	Liên minh thuế quan							
1.3.4.	Thị trường chung							
1.3.5.	Liên minh kinh tế - tiền tệ							
1.3.6.	Liên minh chính trị							
1.4.	<b>Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế</b>							
1.4.1.	Hội nhập kinh tế khu vực							
1.4.2.	Hội nhập kinh tế toàn cầu							
1.5.	<b>Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế</b>							
1.5.1.	Tác động tích cực							
1.5.2.	Tác động tiêu cực							
1.6.	<b>Các nhân tố thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế</b>							
1.6.1.	Sự phát triển của khoa học – công nghệ							
1.6.2.	Sự phát triển của thể chế thị trường							
1.6.3.	Quá trình phát triển của hoạt động thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế							
1.6.4	Sự điều chỉnh về chính sách phát triển kinh tế của các quốc gia							

1.6.5.	Sự gia tăng những vấn đề mang tính toàn cầu đòi hỏi các quốc gia phải liên kết, hội nhập							
	Chương 2 : LÝ THUYẾT VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	3	0		CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, diễn giải, đặt câu hỏi, liên hệ thực tế, giải quyết vấn đề, giao nhiệm vụ tự nghiên cứu,	Nghe giảng, trả lời, lập luận, phân tích, so sánh, tự nghiên cứu	[1] trang 27-43 [2] trang 29-48
2.1.	<b>Lịch sử phát triển của các lý thuyết hội nhập kinh tế quốc tế</b>							
2.2.	<b>Lý thuyết liên minh hải quan</b>							
2.2.1.	Đặc điểm và xu hướng của liên minh hải quan							
2.2.2.	Tác động của liên minh hải quan							
2.3.	<b>Lý thuyết về khu vực thương mại tự do</b>							
2.3.1.	Đặc điểm và xu hướng của khu vực thương mại tự do							
2.3.2.	Tác động của khu vực thương mại tự do							
2.4.	<b>Lý thuyết về thị trường chung</b>							
2.4.1.	Đặc điểm và xu hướng của thị trường chung							
2.4.2.	Tác động của thị trường chung							
	Chương 3 : HỘI NHẬP TRONG KHUÔN KHỔ WTO	9	2		CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, diễn giải, đặt câu hỏi, liên hệ thực tế, giao nhiệm vụ tự nghiên cứu,	Nghe giảng, trả lời, lập luận, phân tích, tự nghiên cứu	[1] trang 44-79 [2] trang 78 - 150 [4] [7]
3.1.	<b>Khái quát về WTO</b>							
3.1.1.	Lịch sử ra đời của WTO							
3.1.2.	Mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động và cơ cấu tổ chức của WTO							
3.1.3.	Cơ chế hoạt động của WTO							
3.2.	<b>Nội dung hợp tác trong WTO</b>							
3.2.1.	Hợp tác về thương mại hàng hóa							
3.2.2.	Hợp tác về thương mại dịch vụ							
3.2.3.	Hợp tác về bảo hộ các khía cạnh của quyền							

	sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại							
3.3.	<b>Cơ chế đàm phán gia nhập WTO và nghĩa vụ cam kết của các thành viên trong WTO</b>							
3.3.1.	Cơ chế đàm phán gia nhập WTO							
3.3.2.	Nghĩa vụ cam kết của các thành viên trong WTO							
Chương 4: HỘI NHẬP TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN		5	2	1	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, diễn giải, đặt câu hỏi, liên hệ thực tế, giải quyết vấn đề, giao nhiệm vụ tự nghiên cứu,	Nghe giảng, trả lời, lập luận, phân tích, tự nghiên cứu	[1] trang 80 - 135 [2] trang 123 - 312 [5] [7]
4.1.	<b>Lịch sử ra đời ASEAN và quá trình hội nhập kinh tế trong khuôn khổ ASEAN</b>							
4.1.1.	Lịch sử ra đời của ASEAN							
4.1.2.	Quá trình hội nhập kinh tế trong khuôn khổ ASEAN							
4.2.	<b>Quá trình hình thành AFTA và cộng đồng ASEAN (AEC)</b>							
4.2.1.	Quá trình hình thành AFTA và nội dung tự do hóa thương mại trong khu vực ASEAN							
4.2.2.	Quá trình hình thành AEC và nội dung hợp tác của cộng đồng AEC							
4.3.	<b>Quá trình liên kết với ASEAN của các quốc gia ngoài khu vực</b>							
4.3.1.	ASEAN – Trung Quốc							
4.3.2.	ASEAN – Hàn Quốc							
4.3.3.	ASEAN – Nhật Bản							
Chương 5: HỘI NHẬP TRONG KHUÔN KHỔ EU		6	1		CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, diễn giải, đặt câu hỏi, liên hệ thực	Nghe giảng, trả lời, lập luận, phân tích, tự	[1] trang 136 - 160 [2] trang
5.1.	<b>Lịch sử hình thành liên minh EU</b>							

5.2.	<b>Nội dung hợp tác, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của liên minh châu Âu</b>					tế, giao nhiệm vụ tự nghiên cứu,	nghiên cứu	151 - 222 [6] [7]
5.2.1.	Nội dung hợp tác trong liên minh châu Âu							
5.2.2.	Cơ cấu tổ chức của Liên minh châu Âu							
5.2.3.	Nguyên tắc hoạt động của liên minh châu Âu							
5.3.	<b>Đồng tiền chung châu Âu</b>							
5.3.1.	Quá trình ra đời và vị thế của đồng tiền chung châu Âu							
5.3.2.	Tác động của đồng tiền chung châu Âu							
Chương 6: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM		5	3	1	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, diễn giải, đặt câu hỏi, liên hệ thực tế, giải quyết vấn đề, giao nhiệm vụ tự nghiên cứu,	Nghe giảng, trả lời, lập luận, phân tích, tự nghiên cứu	[1] trang 161 - 216 [2] trang 447 - 475 [7]
6.1.	<b>Quan điểm, đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt nam</b>							
6.2.	<b>Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam qua các thời kỳ</b>							
6.2.1.	Quá trình Việt Nam hội nhập ASEAN							
6.2.2.	Quá trình Việt Nam tham gia APEC							
6.2.3.	Quá trình Việt Nam gia nhập WTO							
6.3.	<b>Một số hiệp định thương mại tự do có Việt Nam tham gia</b>							
6.3.1.	Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ							
6.3.2.	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU							
6.3.3.	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – Nhật Bản							
6.3.4.	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP							
6.4.	<b>Cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam</b>							

6.4.1.	Cơ hội						
6.4.2.	Thách thức						

**(\*) Ghi chú:**

- *Phân bổ thời gian (LT/TL/TH/KT): Xác định số tiết lý thuyết (LT), thảo luận (TL) / thực hành (TL), kiểm tra (KT) theo từng chương.*
- *CĐR của chương: Xác định CĐR cần đạt được của từng chương (theo CĐR của HP).*
- *Phương pháp giảng dạy: Nêu tên các phương pháp giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR (giải thích cụ thể, thuyết giảng, giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, thảo luận, học nhóm, thực tập, thực tế,...)*
- *Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, nội dung nào, làm bài tập, trả lời câu hỏi,...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập,...).*
- *Tài liệu tham khảo: Nêu tên, chương, mục các TLTK cần thiết cho từng chương (căn cứ vào danh mục TLTK trong mục 11).*

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TS Nguyễn Duy Đạt**

Ngày tháng năm  
**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TS Lê Thị Việt Nga**

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS Đinh Văn Sơn**